**BÀI 4: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

*(Thời gian thực hiện: 12 tiết)*

**\*MỤC TIÊU:**

**1. Năng lực:**

***\*Năng lực đặc thù:***

- Nhận biết được đặc điểm hình thức (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng,…) và nội dung (đề tài, tư tưởng, ý nghĩa…) của các văn bản nghị luận văn học; mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của bài nghị luận.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị vào đọc hiểu, viết, nói và nghe có hiệu quả.

- Bước đầu biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học.

- Biết thảo luận nhóm về một vấn đề.

***\*Năng lực chung:***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản

**2. Phẩm chất:**

- Yêu thích tìm hiểu, khám phá vẻ đẹp của các tác phẩm văn học.

**Tiết 45,46:**

**Đọc – hiểu văn bản:**

***THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI TRONG TRUYỆN ĐẤT RỪNG PHƯƠNG NAM***

(*Thời gian thực hiện: 02 tiết*)

– *Bùi Hồng* –

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

***\* Năng lực đặc thù:***

- Nhận biết được đặc điểm hình thức (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng,…) và nội dung (đề tài, tư tưởng, ý nghĩa…) của các văn bản nghị luận văn học; mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của bài nghị luận.

***\* Năng lực chung:***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản

**2. Phẩm chất:**

- Yêu thích tìm hiểu, khám phá vẻ đẹp của các tác phẩm văn học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**- Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, máy tính; Phiếu học tập; Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm; KHBD;

**- Học liệu:** Tác phẩm “*Đất rừng phương Nam*”; Các bài phê bình về tác phẩm “*Đất rừng phương Nam*”…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (5’)**

**a. Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung**: HS chơi trò chơi kết nối bài học

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

*- GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS: 1 HS dẫn chương trình, tổ chức trò chơi mở đầu bài học.*

*-* HS phổ biến luật chơi:

+ Có 4 mảnh ghép, mỗi mảnh ghép sẽ là một câu hỏi liên quan đến kiến thức đã học về đặc điểm của nghị luận văn học và “Đất rừng phương Nam”.

+ HS được lựa chọn ngẫu nhiên để tham gia “lật mảnh ghép” và trả lời câu hỏi.

+ Sau khi các mảnh ghép được lật hết, HS chia sẻ những thông tin về hình nền.

**HỆ THỐNG CÂU HỎI:**

1. **Câu hỏi mảnh ghép:**

**Câu 1: Dòng nào sau đây nêu đúng đặc điểm của văn văn bản nghị luận?**

1. Tái hiện đặc điểm của đối tượng miêu tả một cách sinh động.
2. Kể lại diễn biến các sự việc theo trình tự nhất định.
3. **Đưa ra lí lẽ, dẫn chứng để thuyết phục người đọc, người nghe.**
4. Bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

**Câu 2: Mục đích của văn bản nghị luận văn học là:**

1. **Thuyết phục người đọc về một vấn đề văn học.**
2. Giúp người đọc hình dung về đối tượng miêu tả.
3. Khơi gợi suy nghĩ và sự đồng cảm của người đọc.
4. Thuyết phục người đọc về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.

**Câu 3: Nội dung bài nghị luận văn học thường:**

1. Kể lại hệ thống các sự kiện có mở đầu, diễn biến, kết thúc.
2. Tái hiện lại đặc điểm của sự vật, con người.
3. Nêu ra quan điểm, ý kiến về một sự việc, hiện tượng đời sống.
4. **Phân tích vẻ đẹp nội dung và hình thức của tác phẩm văn học.**

**Câu 4: Theo bạn, để thuyết phục người đọc, văn bản nghị luận văn học cần phải:**

1. Đảm bảo bố cục 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.
2. Nêu ra những ý kiến, nhận định về tác phẩm văn học đó.
3. Đưa ra dẫn chứng cụ thể trong các tác phẩm thơ/ truyện.
4. **Nêu ý kiến rõ ràng, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng cụ thể, sinh động.**

**Câu 5: Nhận định nào sau đây đúng với tác giả đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng”?**

1. Nhà văn của phụ nữ, trẻ em và những người cùng khổ.
2. **Nhà văn của cuộc sống, thiên nhiên và con người vùng đất phương Nam.**
3. Nhà văn của cuộc sống, con người và văn hóa Hà Nội.
4. Nhà văn của tầng lớp nông dân và tri thức nghèo trong xã hội cũ.

**Câu 6: Nội dung chính trong tác phẩm “Đất rừng phương Nam” viết về:**

1. **Cuộc đời phiêu bạt của bé An.**
2. Cuộc sống của gia đình ông Hai bán rắn.
3. Cuộc sống của chú Võ Tòng.
4. Cuộc sống của người dân phương Nam.
5. **Hình nền**: Tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam” của nhà văn Đoàn Giỏi.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tham gia trò chơi

**B3: Báo cáo kết quả, thảo luận:** HS tổ chức, điều khiển và tham gia trò chơi.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

- GV tổng kết trò chơi, khuyến khích, khen ngợi HS và dẫn vào bài:

*Qua trò chơi, chúng ta đã cùng nhau ôn lại những kiến thức và kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận văn học, cùng nhớ lại thông tin cơ bản về nhà văn Đoàn Giỏi và tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam” qua những thông tin cơ bản của đoạn trích* Người đàn ông cô độc giữa rừng*. Tiết học ngày hôm nay cô trò chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu một trong số những quan điểm thú vị về tiểu thuyết này qua cái nhìn của nhà văn Bùi Hồng để hiểu rõ hơn về vẻ đẹp của tác phẩm.*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (50p)**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm hình thức (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng,…) và nội dung (đề tài, tư tưởng, ý nghĩa…) của các văn bản nghị luận văn học; mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của bài nghị luận.

**b) Nội dung:**

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:**Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Hoạt động tìm hiểu chung về văn bản**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS dựa vào phần chuẩn bị. (PHT số 1a và 1b)  *? Trình bày nội dung kiến thức ngữ văn theo các nội dung sau: (PHT 1a: Sơ đồ tư duy)*   * Đặc điểm của VB NLVH * Giá trị nhận thức của văn học   *? Nêu những hiểu biết của em về tác giả Bùi Hồng?*   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1b:**  **Tìm hiểu tác giả** | | | **Tên** |  | | **Năm sinh/ mất** |  | | **Quê quán** |  | | **Sự nghiệp** |  | | **Tác phẩm chính** |  | | **Giải thưởng văn học** |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.  **HS** quan sát SGK, xem lại PHT đã chuẩn bị.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Kiến thức ngữ văn**   * Đặc điểm của VB NLVH * Giá trị nhận thức của văn học   **(SGK/tr.83)**  **2. Tác giả - tác phẩm**  **a. Tác giả:**  \* ***Tiểu sử:***  - Bùi Văn Hồng (1931-2012)  - Quê quán: Phù Việt, Thạch Hà, Hà Tĩnh  **\* *Sự nghiệp:***  - Tham gia công tác Đoàn từ tháng 8/1945  - Công tác tuyên huấn, tổ chức Đảng ở quê từ 1948  - Bắt đầu viết và in các truyện ký, phê bình sách từ 1951  - Sau khi tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Văn, năm 1962 đến 1992 làm biên tập rồi Trưởng ban và Tổng biên tập NXB Kim Đồng  - Tác phẩm chính:*Trên đất Cẩm Bình* (truyện ký, 1968); *Cá rô ron không vâng lời mẹ* (truyện đồng thoại, 1969); *Hoa trái đầu mùa* (phê bình tiểu luận, 1987). *Mười năm ghi nhận* (phê bình tiểu luận,1997); *Cô gái bướng bỉnh* (truyện ký, 2001); *Hương cây – mối tình đầu của tôi*  (truyện ngắn – 2002); *Từ mục đồng đến Kim Đồng* (tức Mười năm ghi nhận, có bổ sung, 2002); *Mai đây đi hết con đường…* (chân dung và hồi ức, 2007)  - Giải thưởng văn học: Tặng thưởng của Ủy ban Thiếu niên nhi đồng và Hội Nhà văn Việt Nam cho tập *Trên đất Cẩm Bình* (truyện ký, 1968). |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc VB.  - GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS qua hệ thống câu hỏi:  *1/ Nêu xuất xứ của VB?*  *2/ VB được viết theo thể loại nào? Xác định PTBĐ chính của VB?*  *2a. Về đặc điểm của văn bản nghị luận VB, chúng ta đã nghiên cứu tại nhà. Một bạn đứng lên nhắc lại giúp cô đẵ điểm của VB NLVH về các phương diện: Mục đích, nội dung và yêu cầu của VBNL?*  - **Mục đích**: thuyết phục người đọc về một vấn đề văn học.  - **Nội dung**: tập trung phân tích vẻ đẹp về nội dung hoặc sự độc đáo về hình thức của TPVH.  - **Yêu cầu**: Người viết phải nêu ý kiến, lí lẽ và bằng chứng cụ thể.  *3/ VB bàn luận về vấn đề gì? Nhan đề của VB liên quan như thế nào tới vấn đề ấy?*  *4/ Từ vấn đề NL được đặt ra trong VB, hãy chai bố cục VB và nội dung từng phần?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: suy nghĩ cá nhân và lần lượt trả lời từng câu hỏi của GV dựa vào PHT số 2 đã chuẩn bị tại nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau:  *+ Ở đây, chúng ta thấy nhan đề văn bản đã thể hiện được vấn đề nghị luận mà tác giả đặt ra một cách rõ ràng, cụ thể, mang được đặc trưng của văn bản nghị luận văn học.*  *+ Để thấy được rõ hơn đặc điểm của VBNL văn học, cô trò chúng ta cùng vào nội dung lớn thứ 2 của bài: B. Đọc hiểu VB.* | **b. Tác phẩm:**  **-** Xuất xứ: theo sachhay.org  **3. Hướng dẫn đọc:**  **a. Đọc - hiểu chú thích**  + Đọc giọng to, rõ ràng, mạch lạc; nhấn giọng ở những câu khẳng định; chú ý phát âm tên riêng, chuyển giọng khi đọc các đoạn văn được trích dẫn.  **b. Đặc điểm thể loại**  - Thể loại: Nghị luận văn học  + PTBĐ: Nghị luận  + Vấn đề NL: Bàn về vẻ đẹp của thiên nhiên và con người trong truyện “*Đất rừng phương Nam*”.  -Bố cục:3 phần  + Phần 1 (từ đầu đến “phù hợp với đại chúng trẻ em”): Giới thiệu về truyện*Đất rừng phương Nam*  + Phần 2 (tiếp theo đến “dãy trường thành vô tận…”): Vẻ đẹp thiên nhiên trong truyện *Đất rừng phương Nam*  + Phần 3 (còn lại): Vẻ đẹp con người trong truyện *Đất rừng phương Nam* |
| **Hoạt động đọc hiểu văn bản**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV đặt câu hỏi gợi dẫn, HS làm việc cá nhân:  **Đọc Đoạn 1 của văn bản và cho biết:** *Đoạn (1) nêu khái quát đặc điểm gì của truyện “Đất rừng phương Nam”? (***Gợi ý:** *Về các phương diện: Nhân vật, kết cấu, cách viết văn)*  *? Qua đó, em nhận xét gì về cách nêu vấn đề của tác giả Bùi Hồng?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: suy nghĩ và trả lời câu hỏi dựa vào PHT số 3 đã giao về nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Yêu cầu HS trả lời vấn đáp.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **II. Đọc hiểu văn bản:**  **1. Khái quát đặc điểm truyện “Đất rừng phương Nam”:**  - Nhân vật: thuộc nhiều tầng lớp, nhiều ngành nghề…  - Kết cấu: chương hồi kiểu truyền thống  - Cách viết: dễ đọc, dễ hiểu, hợp với đại chúng trẻ em.  *🡪 Tác giả đem đến cho người đọc cái nhìn bao quát về những đặc sắc của TP.* |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? *Mở đầu đoạn 2, tác giả Bùi Hồng cho biết nhà văn Đoàn Giỏi có điểm mạnh gì?*  + Viết một loạt sách về các con vật trên rừng, dưới biển, mỗi con trên dưới 50 trang sách.  + Mẩu chuyện có thật, xen lẫn huyền thoại có xuất xứ.  🡪 ***Nhà văn Bùi Hồng am hiểu sâu sắc về những tác phẩm của Đoàn Giỏi.***  \*Thảo luận nhóm: (5p)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4:**  **2/ Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên trong truyện “Đất rừng phương Nam”**  **Đọc đoạn 2 của văn bản và trả lời các câu hỏi sau:** | | | | 2. | *Tìm hiểu hệ thống lí lẽ, dẫn chứng trong đoạn văn:* | | |  | **Lí lẽ** | **Dẫn chứng** | |  | Trong *Đất rừng phương Nam*, ông chỉ sử dụng một phần rất nhỏ vốn sống phong phú đó mà đã làm người đọc đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác | ba ba to bằng cái nia, kì đà lớn hơn chiếc thuyền tam bản, cá sấu phải 12 trai tráng lực lưỡng mới khiêng nổi | |  |  |  | |  |  |  | | 3. | *Em hãy nhận xét về cách lập luận của tác giả?* | |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - 2 phút làm việc cá nhân  - 3 phút thảo luận nhóm bàn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Dự kiến:**  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau:  *Tác giả đưa ra những nhận định đúng đắn, giúp người đọc hiểu hơn về vẻ đẹp của****Đất rừng phương Nam****. Để làm sáng tỏ lí lẽ của mình, tác giả nêu rõ những dẫn chứng được trích từ chính trong tiểu thuyết của Đoàn Giỏi. Chắc hẳn phải rất yêu thích, hiểu rõ về tác phẩm, Bùi Hồng mới có thể đưa ra những nhận định xác đáng và dẫn chứng rõ ràng, thuyết phục như vậy.* | **2. Vẻ đẹp thiên nhiên trong truyện “Đất rừng phương Nam”**   |  |  | | --- | --- | | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** | | Trong Đất rừng phương Nam, ông chỉ sử dụng một phần rất nhỏ vốn sống phong phú đó mà đã làm người đọc đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. | ba ba to bằng cái nia, kì đà lớn hơn chiếc thuyền tam bản, cá sấu phải 12 trai tráng lực lưỡng mới khiêng nổi. | | Đó là cảm giác ngây ngất trước vẻ đẹp rừng U Minh dưới ánh Mặt Trời vàng óng. | Những thân cây tràm vỏ trắng…xanh thẳm không cùng. | | Và nỗi rợn ngợp trước dòng sông Năm Căn | Nước ầm ầm đổ ra biển…như hai dãy trường thành vô tận… |   🡪 Bằng hệ thống lí lẽ chính xác; bằng chứng cụ thể, sinh động và giàu hình ảnh; đoạn trích đã tái hiện lại vùng đất phương Nam với thiên nhiên trù phú, tươi đẹp.  Qua đó, thể hiện vốn sống, vốn hiểu biết phong phú và trái tim đầy yêu thương với vùng đất phương Nam của Đoàn Giỏi. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm đôi.  - Giao nhiệm vụ: *Trong phần 3 tác giả so sánh hai nhân vật ông Hai bán rắn và chú Võ Tòng. Em hãy chỉ ra điểm giống và khác nhau của hai nhân vật này?*  **HS**:  - 2 phút làm việc cá nhân  - 3 phút thảo luận cặp đôi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Dự kiến:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | *Ông Hai bán rắn* | *Võ Tòng* | | *Giống* | Đều không có đất, quanh năm ở đợ làm thuê cho địa chủ.  - Đều bị cướp công, cướp người yêu, cướp vợ.  - Đều đánh trả và bị tù. | | | *Khác* | Trốn tù, đón vợ rồi bỏ vào rừng U Minh.  - Kiếm sống bằng đủ thứ nghề: câu rắn, lấy mật, săn cá sấu,...  - Gương mặt khoáng đạt, rất dễ mến. Làn da mặt như người trẻ, chỉ ở đôi khóe mắt và trên vầng trán cao là có xếp mấy đường nhăn | - Gây án tự đến nhà việc nộp mình. Mãn hạn tù trở về, con chết, vợ trở thành vợ nhỏ của địa chủ.  - Làm nghề săn bẫy thú.  - Hai hố mắt sâu hoắm, từ trong đáy hố sâu thâm đó, một cặp tròng mắt trắng dã, long qua, long lại, sắc như dao. Mái tóc hung hung như bờm ngựa phủ dài xuống gáy. Chỗ gò má bên phải có năm cái sẹo dài sả xuống từ thái dương vắt đến cổ, như đầu móng cọp cào... |   **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau:  *Nhờ có cách so sánh, tác giả đã khắc họa rõ nét hơn đặc điểm của nhân vật trong tác phẩm: hình ảnh ông Hai rắn hiện lên đẹp đẽ, tự do còn chú Võ Tòng hiện lên với tính cách cương trực, mạnh mẽ, dũng cảm và ngoại hình có phần bặm trợn, hung dữ. Tác giả đã phân tích nghệ thuật miêu tả nhân vật đặc sắc trong tiểu thuyết: có sự kết hợp giữa chuyện thực và chuyện ảo; có sự trộn lẫn giữa cổ điển phương Tây và cổ điển phương Đông. Từ đó, tính cách của nhân vật được làm rõ và qua đó cũng là để khẳng định tài năng của nhà văn Đoàn Giỏi khi xây dựng nhân vật* | **3. Vẻ đẹp con người trong truyện “Đất rừng phương Nam”**   |  |  | | --- | --- | | Lí lẽ | Bằng chứng | | - Con người Nam bộ được miêu tả với những nét sắc sảo, lạ lùng. | + Những lời nói ngọt nhạt, cái túi tiền thâm đen, căng phồng, bóng mỡ của dì Tư Béo.  + Cái áo vắt vai và những câu đối thoại ngật ngưỡng, hài hước, dở tỉnh, dở say của lão Ba Ngù. | | - Tác giả khắc họa kĩ lưỡng nhất hai nhân vật: ông Hai bán rắn và chú Võ Tòng | + Giống nhau:  + Khác nhau |   🡪*Tác giả đã phân tích nghệ thuật miêu tả nhân vật đặc sắc trong tiểu thuyết: có sự kết hợp giữa chuyện thực và chuyện ảo; có sự trộn lẫn giữa cổ điển phương Tây và cổ điển phương Đông. Từ đó, tính cách của nhân vật được làm rõ.* |
| **Hoạt động tổng kết**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Giao nhiệm vụ nhóm:  *? Khái quát ND và NT của VB?*  *? Khái quát cách đọc VBNLVH?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | **III. Tổng kết**  **1. Giá trị nội dung**  - Văn bản Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam" đã giúp em hiểu văn học góp phần mở rộng kiến thức về con người và thế giới xung quanh. Thông qua việc phân tích và làm rõ nghệ thuật kể chuyện, xây dựng nhân vật của Đoàn Giỏi, tác giả Bùi Hồng đã cho người đọc thấy được vốn sống phong phú và hiểu biết sâu sắc của Đoàn Giỏi về thiên nhiên, các loài vật và con người ở vùng Cửu Long sông nước. Đọc tác phẩm của Đoàn Giỏi, người đọc đồng thời được mở mang hiểu biết về thiên nhiên con người nơi đây.  **2. Giá trị nghệ thuật**  - Cách triển khai ý kiến, lí lẽ rõ ràng, mạch lạc  - Lối viết hấp dẫn, thuyết phục  **3. Cách đọc văn bản**  - Xác định vấn đề nghị luận  - Hiểu mục đích của văn bản viết để làm gì?  - Chỉ rõ hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản  - Hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng phục vụ cho mục đích của văn bản như thế nào?  - Liên hệ và rút ra bài học nhận thức sau khi học văn bản nghị luận để thấy được văn bản đã giúp em hiểu thêm về văn bản được phân tích và chính văn bản nghị luận này. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập (15p)**

***a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

***b) Nội dung:*** *HS chơi trò chơi*

***c) Sản phẩm:*** Sp của HS

***d) Tổ chức thực hiện***

**Tiết 1: B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

Giáo viên tổ chức trò chơi cho HS.

**1. Đoạn trích trên viết về vấn đề gì?**

A. Vẻ đẹp TN và con người trong tác phẩm “ Đất rừng phương Nam”

B. Kể chuyện về vùng đất phương Nam

C. Miêu tả về vùng đất phương Nam

D. Giới thiệu về nhà văn Đoàn Giỏi

**2. Vì sao văn bản “Thiên nhiên và con người trong truyện "Đất rừng phương Nam" là văn bản nghị luận?**

A. Vì văn bản tập trung miêu tả vùng đất phương Nam

B. Vì tác giả kể về cái hay cái đẹp của văn bản “ Người đàn ông cô độc giữa rừng”

C. Vì tác giả giúp người đọc hiểu người đàn ông cô độc là ai

D. Vì tác giả phân tích cái hay về nghệ thuật và nội dung của tác phẩm “ Đất rừng phương Nam”

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS** suy nghĩ.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS trả lời câu hỏi.

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số:

**Tiết 2:**

(1) Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được điều gì về đoạn trích Người đàn ông cô độc giữa rừng (trích truyện Đất rừng phương Nam) đã học ở Bài 1?

**(2)** Văn bản Thiên nhiên và con người trong truyện "Đất rừng phương Nam" đã giúp em hiểu văn học góp phần mở rộng kiến thức về con người và thế giới xung quanh như thế nào?

**\*Định hướng:**

- Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được nội dung và mục đích của cuộc gặp gỡ, đối thoại giữa ông Hai và chú Võ Tòng trong đoạn trích Người đàn ông cô độc giữa rừng (trích truyện Đất rừng phương Nam) đã học ở Bài 1

- Văn bản Thiên nhiên và con người trong truyện "Đất rừng phương Nam" đã giúp em hiểu văn học góp phần mở rộng kiến thức về con người và thế giới xung quanh. Cụ thể: Văn bản Thiên nhiên và con người trong truyện "Đất rừng phương Nam" đã cho em hiểu thêm về đặc điểm thiên nhiên và tính cách con người Nam Bộ vùng châu thổ Cửu Long Giang. Từ đó văn bản khơi gợi trong lòng người đọc tình cảm yêu mến với mảnh đất này.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (15p)**

**a) Mục tiêu:**

Vận dụng kiến thức, kĩ năng, thể nghiệm giá trị đã học vào thực tiễn cuộc sống.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)

*Tiết 1: HS vẽ tranh về thiên nhiên Nam Bộ và thuyết trình (5p)*

*Tiết 2:* Viết một đoạn văn bày tỏ quan điểm của em khi có ý kiến cho rằng “ Tác giả Bùi Hồng đã phân tích cái hay của tác phẩm Đất rừng phương Nam bằng cách đưa ra được các bằng chứng rất thuyết phục. Em có đồng ý với ý kiến đó không

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**HS** có thể chia sẻ những nội dung các em hoàn thành.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV nhận xét.

**\*Hướng dẫn học sinh học bài về nhà và chuẩn bị bài sau: (5p)**

**- Bài cũ:** Hoàn thành BT phần vận dụng

**- Bài mới:** Soạn bài “Vẻ đẹp của bài thơ *Tiếng gà trưa*”;

**Tiết 47,48:**

**Đọc – hiểu văn bản:**

***VẺ ĐẸP CỦA BÀI THƠ “TIẾNG GÀ TRƯA”***

(*Thời gian thực hiện: 02 tiết*)

– *Đinh Trọng Lạc* –

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

***\* Năng lực đặc thù:***

- Nhận biết được đặc điểm hình thức (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng,…) và nội dung (đề tài, tư tưởng, ý nghĩa…) của các văn bản nghị luận văn học; mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của bài nghị luận.

***\* Năng lực chung:***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản

**2. Phẩm chất:**

- Yêu thích tìm hiểu, khám phá vẻ đẹp của các tác phẩm văn học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**- Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, máy tính; Phiếu học tập; Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm; KHBD;

**- Học liệu:** Tác phẩm “*Tiếng gà trưa*”; Các bài phê bình về tác phẩm “*Tiếng gà trưa*”…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (5’)**

**a. Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung**: HS chơi trò chơi kết nối bài học

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

*- GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS: 1 HS dẫn chương trình, tổ chức trò chơi mở đầu bài học.*

*-* HS phổ biến luật chơi:

+ Có 4 mảnh ghép, mỗi mảnh ghép sẽ là một câu hỏi liên quan đến kiến thức đã học về đặc điểm của nghị luận văn học và “Tiếng gà trưa”.

+ HS được lựa chọn ngẫu nhiên để tham gia “lật mảnh ghép” và trả lời câu hỏi.

+ Sau khi các mảnh ghép được lật hết, HS chia sẻ những thông tin về hình nền.

**HỆ THỐNG CÂU HỎI:**

1. **Câu hỏi mảnh ghép:**

**Câu 1:** Mục đích chính của nghị luận văn học là gì?

**Câu 2:** Nội dung của bài nghị luận văn học là gì?

**Câu 3:** Các yếu tố của bài NLVH là gì?

**Câu 4:** (Từ một bức tranh) Bức tranh này gợi em nhớ đến bài thơ nào em đã học?

1. **Hình nền**: Bài thơ “Tiếng gà trưa” của tác giả Xuân Quỳnh.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tham gia trò chơi

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS tổ chức, điều khiển và tham gia trò chơi.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

- GV tổng kết trò chơi, khuyến khích, khen ngợi HS và dẫn vào bài mới;

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (50p)**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm hình thức (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng,…) và nội dung (đề tài, tư tưởng, ý nghĩa…) của các văn bản nghị luận văn học; mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của bài nghị luận.

**b) Nội dung:**

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:**Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Hoạt động tìm hiểu chung về văn bản**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS dựa vào phần chuẩn bị. (PHT số 1)  *? Nêu những hiểu biết của em về tác giả Đinh Trọng Lạc?*   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:**  **Tìm hiểu tác giả** | | | **Tên** |  | | **Năm sinh/ mất** |  | | **Quê quán** |  | | **Sự nghiệp** |  | | **Tác phẩm chính** |  | | **Giải thưởng văn học** |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.  **HS** quan sát SGK, xem lại PHT đã chuẩn bị.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả**  **\* Tiểu sử**  - Đinh Trọng Lạc (1928- 2000)  - Quê quán: Hà Nội.  **\* Sự nghiệp:** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc VB.  - GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS qua hệ thống câu hỏi:  *1/ Nêu xuất xứ của VB?*  *2/ VB được viết theo thể loại nào? Xác định PTBĐ chính của VB?*  *2a. Về đặc điểm của văn bản nghị luận VB, chúng ta đã nghiên cứu tại nhà. Một bạn đứng lên nhắc lại giúp cô đẵ điểm của VB NLVH về các phương diện: Mục đích, nội dung và yêu cầu của VBNL?*  - **Mục đích**: thuyết phục người đọc về một vấn đề văn học.  - **Nội dung**: tập trung phân tích vẻ đẹp về nội dung hoặc sự độc đáo về hình thức của TPVH.  - **Yêu cầu**: Người viết phải nêu ý kiến, lí lẽ và bằng chứng cụ thể.  *3/ VB bàn luận về vấn đề gì? Nhan đề của VB liên quan như thế nào tới vấn đề ấy?*  *4/ Từ vấn đề NL được đặt ra trong VB, hãy chai bố cục VB và nội dung từng phần?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: suy nghĩ cá nhân và lần lượt trả lời từng câu hỏi của GV dựa vào PHT số 2 đã chuẩn bị tại nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau; | | **2. Tác phẩm:**  **-** Xuất xứ: Bài viết được in trong sách “Vẻ đẹp ngôn ngữ văn học qua các bài tập đọc lớp 4, 5”.   1. **Hướng dẫn đọc** 2. **Đọc – hiểu chú thích**   + Đọc giọng to, rõ ràng, mạch lạc;   1. **Đặc điểm thể loại**   - Thể loại: Nghị luận văn học  + PTBĐ: Nghị luận  + Vấn đề NL: Vẻ đẹp (Đặc sắc về ND và NT) trong bài thơ “Tiếng gà trưa”  -Bố cục:4 phần  + Phần 1: từ đầu...tuổi thơ🡪 Vẻ đẹp khổ thơ thứ nhất  + Phần 2: tiếp ...vui sướng 🡪 Vẻ đẹp khổ thơ thứ hai  + Phần 3: tiếp...của bà 🡪 Vẻ đẹp của sáu dòng thơ đặc biệt trong bài  + Phần 4: Còn lại🡪 Vẻ đẹp khổ cuối. |
| **Hoạt động đọc hiểu văn bản**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ***? Nhận xét trình tự NL của VB?***  GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm (gồm 6 bạn) để tìm hiểu hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng  - Chia nhóm lớp.  - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2 bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3  - Thời gian: 10 phút  *(1)Tìm hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn*  *(2)Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả?*  *(3) Qua hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn, em thấy tác giả đã thể hiện thái độ gì?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: suy nghĩ và làm việc theo nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Tổ chức cho HS nhận xét, trao đổi, đánh giá ý kiến của nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, ghi bảng.  **GV phát vấn cá nhân HS, mở rộng, nâng cao kiến thức.**  (4) Trong văn bản, tác giả đã rất chú trọng phân tích hình thức nghệ thuật ( từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ) để làm nổi bật nội dung bài thơ. Em học hỏi được điều gì từ cách viết của tác giả để cảm nhận và phân tích vẻ đẹp của một bài thơ?  (5) Qua hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn, em thấy tác giả đã đạt được mục đích của văn bản nghị luận văn học chưa? Vì sao?  → *GV mời HS trả lời. GV nhận xét, chốt kiến thức.* | **II. Đọc hiểu văn bản:**  **1. Đặc điểm kiểu bài NLVH của văn bản:**  **- Trình tự NL:**  + Cảm xúc được bắt nguồn từ âm thanh tiếng gà khơi gợi nỗi nhớ về tuổi thơ, kí ức về bà.  + Cảm xúc được tiếp nối bằng kỉ niệm và sự biết ơn, yêu kính bà.  + Lắng đọng ở mục đích chiến đấu cao cả của người cháu.  🡪*Bám sát mạch cảm xúc của bài thơ.*  **2. Hệ thống ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng:**  **2.1. Vẻ đẹp của khổ thơ thứ nhất:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | ***Đặc sắc về***  ***nghệ thuật*** | ***Đặc sắc về***  ***nội dung*** | | **Lí lẽ** | Khổ thơ có nhiều nét đặc sắc độc đáo về lặp âm, dấu chấm lửng, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác | Khổ thơ thứ nhất là nguồn mạch cảm xúc của bài thơ, âm thanh tiếng gà khơi gợi nỗi nhớ về tuổi thơ, về bà kính yêu. | | **Dẫn chứng** | + Dòng thơ thứ tư “Cục..cục tác cục ta”: phép lặp âm, dấu chấm lửng + tác dụng..  + So sánh âm thanh “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh với âm thanh tiếng gà trong thơ Trần Đăng Khoa.  + Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác + tác dụng. | “Khổ thơ đầu kể chuyện anh bộ đội trên đường hành quân, khi dừng chân bên một xóm nhỏ, nghe tiếng gà nhảy ổ”... “Tiếng gà cũng làm kí ức ta quay lại với những kỉ niệm tuổi thơ”. | | |
| **2.2. *Vẻ đẹp của khổ thơ thứ hai:***   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | ***Đặc sắc về***  ***nghệ thuật*** | ***Đặc sắc về***  ***nội dung*** | | **Lí lẽ** | Khổ thơ có nhiều nét đặc sắc về nghệ thuật so sánh, đảo ngữ, kết hợp tự sự và miêu tả, kết cấu sóng đôi và lặp từ vựng khiến lời thơ ấn tượng, góp phần thể hiện cảm xúc trong bài. Những kỉ niệm trở nên lung linh, hấp dẫn và sống động. | Tiếng gà trưa đã gợi về trong tâm hồn người cháu – người chiến sĩ những kỉ niệm tuổi thơ thiếu thốn, khó khăn sống bên bà những đong đầy niềm vui lấp lánh. | | **Dẫn chứng** | + Mỗi câu kể là một câu tả...  + Câu thơ kết cấu sóng đôi và lặp từ vựng “này” để chỉ và người nghe lưu ý tưởng tượng  + So sánh, đảo ngữ làm cho bức tranh gà mái vàng trở nên đẹp đẽ | “Tiếng gà trưa đã đưa anh chiến sĩ trở lại kỉ niệm về người bà tần tảo, suốt đời lo toan để người cháu được vui sướng”. | | |
| **2.3. *Vẻ đẹp của sáu dòng thơ đặc biệt trong bài***   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | ***Đặc sắc về***  ***nghệ thuật*** | ***Đặc sắc về***  ***nội dung*** | | **Lí lẽ** | Khổ thơ có nét độc đáo về nhịp điệu chậm, buồn và cấu trúc để thể hiện cảm xúc mênh mang, mang nặng suy tư, chiêm nghiệm của người cháu khi nghĩ về bà, tình yêu thương của bà. | Sáu dòng thơ là những độc thoại trong tâm hồn người cháu, giàu chất suy tưởng khi người cháu nhận ra, suy ngẫm về tình yêu thương, sự tần tảo, lo lắng hi sinh của bà dành cho mình | | **Dẫn chứng** | + Sáu dòng thơ chỉ làm thành một câu đơn  + Mỗi dòng chỉ gồm năm tiếng nhưng có cách ngắt nhịp khác dòng kia. | “Nhịp điệu khổ thơ là nhịp điệu chậm rãi của độc thoại, bên trong đầy chất suy tưởng... Chi tiết nhỏ bé thế, đơn giản là thế mà chứa đựng một tình yêu thương sâu sắc, vô bờ bến của bà” | | |
| **2.4. *Vẻ đẹp của khổ thơ cuối: “Khổ thơ cuối là hay nhất, cảm động nhất”***   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | ***Đặc sắc về***  ***nghệ thuật*** | ***Đặc sắc về***  ***nội dung*** | | **Lí lẽ** | Khổ thơ có lời độc thoại đầy cảm xúc của người chiến sĩ và điệp ngữ “Vì” | Khổ thơ cuối thể hiện những tình cảm cao đẹp nhất, mục đích chiến đấu của người chiến sĩ: vì tình yêu với bà, với xóm làng, với Tổ quốc và vì tình yêu với tuổi thơ, với tiếng gà bình yên mỗi sớm mai. | | **Dẫn chứng** | + Anh chiến sĩ thốt lên tiếng gọi cảm động, làm cho lời nói độc thoại bên trong hiển hiện như lời đối thoại sống động...  + Việc lặp lại từ “Vì” ở đầu các dòng thơ đã góp phần thể hiện... | + Khổ thơ cuối chứa đựng “những tình cảm thiêng liêng, cao quý, sâu sắc và chân thành”  + Khổ thơ cuối thể hiện “ý chí chiến đấu mạnh mẽ vì Tổ quốc, vì nhân dân, những người thân yêu trong gia đình, người bà yêu quý với bao kỉ niệm tuổi thơ” |   ***→ Nhận xét: Lời văn giàu cảm xúc, bám sát đặc trưng văn bản thơ; lí lẽ và dẫn chứng giàu sức thuyết phục.***  **3. Giá trị nhận thức của văn bản**  - VB giúp người đọc hiểu thêm được đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ.  - Bồi đắp cho người đọc về tình cảm gia đình, tình cảm bà cháu, tình yêu Tổ quốc, quê hương; tạo động lực học tập, rèn luyện và cống hiến. | |
| **Hoạt động tổng kết**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *? Khái quát ND và NT của VB?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi   **B3: Báo cáo, thảo luận**   * HS nhận xét, bổ sung câu trả lời cho bạn.   **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, chốt ý. | **III. Tổng kết**  **1. Giá trị nội dung**  - Văn bản phân tích giá trị nghệ thuật và nội dung bài thơ “Tiếng gà trưa”.  **2. Giá trị nghệ thuật**  - Lí lẽ xác đáng, thuyết phục.  - Dẫn chứng cụ thể, rõ ràng.  - Ngôn ngữ giản dị, giàu cảm xúc.  **3. Cách đọc văn bản**  - Xác định vấn đề nghị luận  - Hiểu mục đích của văn bản viết để làm gì?  - Chỉ rõ hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản  - Hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng phục vụ cho mục đích của văn bản như thế nào?  - Liên hệ và rút ra bài học nhận thức sau khi học văn bản nghị luận để thấy được văn bản đã giúp em hiểu thêm về văn bản được phân tích và chính văn bản nghị luận này. | |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập (15p)**

***a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

***b) Nội dung:*** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

***c) Sản phẩm:*** Sp của HS

***d) Tổ chức thực hiện***

Giáo viên giao bài tập cho HS: Có ý kiến cho rằng “Văn bản Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa” là một văn bản nghị luận giàu sức thuyết phục”. Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao? Em hãy viết đoạn văn ngắn trình bày quan điểm của mình.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**- HS** suy nghĩ.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS trả lời câu hỏi.

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số:

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (15p)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức, kĩ năng, thể nghiệm giá trị đã học vào thực tiễn cuộc sống.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)

*? Em hãy trình bày suy nghĩ của em về vẻ đẹp một bài thơ em yêu thích.*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**HS** có thể chia sẻ những nội dung các em hoàn thành.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV nhận xét.

**\*Hướng dẫn học sinh học bài về nhà và chuẩn bị bài sau: (5p)**

**- Bài cũ:** Hoàn thành BT phần vận dụng.

**- Bài mới:** Đọc trước bài “Thực hành TV”